UBND TỈNH AN GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:14032 /SNNMT-VP V/v rà soát danh sách câu hỏi, câu trả lời về thủ tục hành chính trước khi đăng tải	*An Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi:
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Bộ phận quản trị Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Thực hiện Công văn số 21577/VP-HCC ngày 18/10/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phối hợp đăng tải danh sách câu hỏi, câu trả lời về thủ tục hành chính. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện danh sách trước khi đăng tải, kết quả cụ thể như sau:

1. Về việc đánh số thứ tự câu hỏi: Qua rà soát nội dung danh sách, tại số thứ tự câu hỏi chuyển từ số 126 sang số 128, không thể hiện số 127. Kết quả rà soát xác định đây là lỗi đánh số thứ tự, không phải do thiếu câu hỏi. Sở đã điều chỉnh, hoàn thiện danh sách bảo đảm tính liên tục và chính xác về số thứ tự.

2. Về nội dung câu hỏi, câu trả lời: Đối với lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, Sở đã cập nhật, điều chỉnh nội dung 03 câu hỏi, câu trả lời (câu số 35, 36 và 37) nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện danh sách câu hỏi, câu trả lời về thủ tục hành chính trước khi đăng tải. Danh sách đã được cập nhật, chỉnh sửa gửi kèm theo Công văn này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ phận quản trị Cổng Thông tin điện tử tổng hợp, xem xét và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Thủ trưởng phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, ntvy.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Công Danh

DANH SÁCH CÂU HỎI, CÂU TRẢ LỜI

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-VP ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	1	Hỏi: Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn có thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm không?	Trả lời: Không. Đối với cơ sở chỉ kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn, không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành, nhưng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm.
	2	Hỏi: Khi nào cơ sở phải thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm?	Trả lời: Khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc có thay đổi thông tin liên quan đến tên cơ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh theo quy định.
	3	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là bao lâu?	Trả lời: Thời gian giải quyết được thực hiện theo quy định tại thủ tục hành chính đã được công bố; tổ chức, cá nhân có thể tra cứu trên Cổng Dịch vụ công hoặc quyết định công bố thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh.
Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	4	Hỏi: Những sản phẩm, hàng hóa nào phải thực hiện công bố hợp quy?	Trả lời: Các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành và có yêu cầu công bố hợp quy phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trước khi lưu thông trên thị trường hoặc đưa vào sử dụng.
	5	Hỏi: Khi thay đổi tên cơ sở hoặc địa chỉ sản xuất có phải thực hiện lại công bố hợp quy không?	Trả lời: Khi có thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân hoặc sản phẩm đã công bố hợp quy, cơ sở phải thực hiện thủ tục điều chỉnh, cập nhật hoặc công bố lại theo quy định hiện hành.
	6	Hỏi: Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ có phải thực hiện công bố hợp quy không?	Trả lời: Nếu sản phẩm thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có quy định về công bố hợp quy thì mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm đó đều phải thực hiện theo quy định, không phân biệt quy mô sản xuất.
Lĩnh vực Giảm nghèo	7	Hỏi: Hồ sơ và quy trình công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm như thế nào?	Trả lời: Hồ sơ gồm đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm của hộ gia đình theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT. Quy trình gồm 4 bước: lập danh sách; tổ chức rà soát thực tế; họp dân lấy ý kiến về kết quả rà soát và niêm yết, thông báo công khai kết quả; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.
Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	8	Hỏi: Để được xem xét hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh), tổ chức hoặc cá nhân cần chuẩn bị những thành phần hồ sơ cơ bản nào và có thể nộp hồ sơ bằng những hình thức nào?	Trả lời: Hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh) gồm các thành phần cơ bản sau: - Đơn đề nghị của chủ dự án (theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); - Dự án liên kết (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); - Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau; - Bản sao chụp hợp đồng liên kết; - Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP). Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công (đối với địa phương đã triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục này). Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức thẩm

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc hỗ trợ theo quy định hiện hành. Việc công khai quy trình, thành phần hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, thực hiện thủ tục, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả cải cách hành chính.
Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu	9	Hỏi: Thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt thì có phải làm thủ tục phê duyệt lại Kế hoạch không?	Trả lời: Khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 50 của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 13/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu) quy định như sau: - Các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định và phê duyệt. Khi có sự thay đổi các điều kiện dẫn đến thay đổi nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thì phải cập nhật định kỳ hàng năm; khi có thay đổi lớn làm tăng quy mô sức chứa, vượt quá khả năng ứng phó so với phương án trong kế hoạch, phải lập lại kế hoạch trình cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt. - Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn ghi trong kế hoạch, không xây dựng, phê duyệt lại kế hoạch. Vì vậy, các cơ sở (bao gồm cửa hàng kinh doanh xăng dầu) khi đã có Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu mà nội dung kế hoạch không thay đổi chỉ thay đổi chủ cơ sở thì không cần phê duyệt lại Kế hoạch, chỉ cần cập nhật lại các thông tin thay đổi bằng văn bản, lưu tại cơ sở.
	10	Hỏi: Cơ quan, đơn vị nào chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết, ứng phó sự cố tràn dầu?	Trả lời: Mục 6 của Công văn số 47/VP-TD ngày 03/2/2026 của Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia về việc thực hiện Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và ban hành kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp xã theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg, nội dung tại mục "V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ" trong kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp xã sẽ căn cứ vào cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các ban, ngành để giao nhiệm vụ trong kế hoạch cho phù hợp với địa bàn vùng, miền và thực tế của địa phương". Do đó, việc xác định đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã về sự cố tràn dầu sẽ do Ủy ban nhân dân xã quyết định dựa trên thực tế bộ máy của địa phương. Bên cạnh việc giao nhiệm vụ tham mưu, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 7 của Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg. Trong thực tế quản lý ở một số địa phương, công chức chuyên môn (phòng Kinh tế) tham mưu về nội dung, kế hoạch, các dữ liệu kỹ thuật (đánh giá, xác định thiệt hại, các khu vực ưu tiên bảo vệ,…); Ban Chỉ huy quân sự xã phối hợp tổ chức lực lượng, triển khai ứng phó tại hiện trường.
	11	Hỏi: Thành phần Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu bao gồm những cơ quan, đơn vị nào?	Trả lời: Điều 8 của Quyết định 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định: Hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền thẩm định quyết định thành lập; thành viên là đại diện các cơ quan liên quan có chuyên môn, kinh nghiệm về ứng phó sự cố tràn dầu và được cử theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định. Vì vậy, tùy vào kế hoạch cụ thể, cơ quan tham mưu thẩm định lựa chọn các thành phần liên quan để tham gia Hội đồng, bảo đảm đủ năng lực đánh giá nội dung kế hoạch theo quy định. Một số đơn vị, lĩnh vực thường có liên quan đến phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu như: Ban Chỉ huy Quân sự (tham mưu về lực lượng), lĩnh vực môi trường (xác

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			định vùng nhạy cảm cần bảo vệ), Công an (an toàn cháy nổ), lĩnh vực kinh tế/công thương, lĩnh vực xây dựng, cảng vụ,...
	12	Hỏi: Đối với các cơ sở không kinh doanh xăng dầu nhưng có bồn chứa dầu nội bộ để chạy máy phát điện hoặc phục vụ sản xuất (ví dụ bồn dầu 10-20 m3 của các nhà máy, xí nghiệp nhỏ trên địa bàn xã) có phải xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình Ủy ban nhân dân xã thẩm định, phê duyệt không?	Trả lời: Khoản 10 Điều 3 của Quy chế 04/2026/QĐ-TTg quy định: "Cơ sở" được định nghĩa bao gồm các cơ quan, đơn vị, cá nhân có hoạt động về lưu trữ, kinh doanh, sử dụng dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu. Như vậy, dù không kinh doanh xăng dầu, nhưng việc cơ sở có bồn chứa dầu (10-20 m3) để chạy máy phát điện hoặc phục vụ sản xuất được xác định là đối tượng "sử dụng và lưu trữ dầu có nguy cơ gây ra sự cố". Khoản 7 Điều 7 của Quy chế 04/2026/QĐ-TTg quy định: "Đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu... và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3) xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và phê duyệt". Do đó, các cơ sở này bắt buộc phải xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và trình Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định, phê duyệt.
Lĩnh vực Biển và Hải đảo	13	Hỏi: Phạm vi và hạn mức giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?	Trả lời: Điều 8 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo quy định cụ thể như sau: "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển đối với cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (Các trường hợp được miễn tiền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản: - Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác thủy sản ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khu vực nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo; - Cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản và khu vực nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo), được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 có phạm vi nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc các đảo. Hạn mức giao khu vực biển quy định tại khoản này không quá 05 ha".
	14	Hỏi: Tổ chức, cá nhân cần những điều kiện gì để được giao khu vực biển?	Trả lời: Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điều 29 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định: "1. Việc giao khu vực biển được xem xét khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thuỷ sản; b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ". Theo quy định nêu trên, tổ chức, cá nhân được xem xét, giao khu vực biển phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao. Khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP giải thích từ ngữ đối

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			với loại văn bản cho phép như sau: "6. Văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật là: a) Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển được cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành (Quyết định công nhận điểm du lịch, Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa, Cấp phép khai thác khoáng sản; Văn bản chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước,…); b) Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định hình thức giấy phép thì văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển là một trong các hình thức văn bản: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các dự án có sử dụng khu vực biển; văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản; văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; văn bản của cơ quan nhà nước cấp cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động có sử dụng khu vực biển (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ)".
	15	Hỏi: Để được giao khu vực biển, tổ chức/cá nhân cần chuẩn bị những hồ sơ gì?	Trả lời: Điều 15 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP quy định như sau: "1. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển bao gồm: a) Đơn đề nghị giao khu vực biển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP); b) Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản; c) Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường; d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao (theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); đ) Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển (theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); dự án nuôi trồng thuỷ sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (theo Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP)".
	16	Hỏi: Cơ quan có thẩm quyền từ chối giao khu vực biển trong những trường hợp nào?	Trả lời: Khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp từ chối giao khu vực biển bao gồm: "1. Hoạt động sử dụng khu vực biển làm phương hại đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam; làm phương hại đến hoạt động quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn trên biển; hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam. 2. Phạm vi khu vực biển đề nghị sử dụng nằm trong các khu vực biển dưới đây, trừ trường hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý hoặc pháp luật quy định cho phép tổ chức, cá nhân được thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại các khu vực này:

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			a) Khu vực sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh; b) Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di tích được UNESCO công nhận là di sản thế giới; c) Khu vực thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, vùng đất ngập nước quan trọng có hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh học cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế; khu vực có rừng đặc dụng đã được công bố theo quy định của pháp luật về môi trường, đa dạng sinh học, lâm nghiệp; d) Khu vực thuộc khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản; đ) Khu vực có hệ sinh thái cỏ biển, rạn san hô thuộc khu vực cần bảo vệ đặc biệt được xác định trong Quy hoạch không gian biển quốc gia; e) Khu vực có công trình dầu khí, thiết bị và công trình trên biển, vùng an toàn xung quanh các công trình này và các khu vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, công nhận khu vực biển. 3. Hoạt động sử dụng khu vực biển ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên biển đang được tiến hành hợp pháp trong vùng biển Việt Nam; ảnh hưởng nghiêm trọng đến bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa. 4. Hoạt động sử dụng khu vực biển có sử dụng vật liệu nổ, hóa chất độc, các phương tiện, thiết bị khác có khả năng gây thiệt hại đối với người, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường biển; trừ trường hợp vật liệu nổ, hóa chất độc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật. 5. Thông tin trong hồ sơ đề nghị giao khu vực biển cung cấp không chính xác hoặc thông tin về các nội dung hoạt động không phù hợp với mục đích của hoạt động đề nghị giao khu vực biển”.
Lĩnh vực Thú y	17	Hỏi: Cơ sở chăn nuôi cần chuẩn bị hồ sơ gì để được cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật?	Trả lời: Hồ sơ gồm có: - Đơn đề nghị theo mẫu; - Bản mô tả thông tin về cơ sở chăn nuôi; - Kế hoạch an toàn sinh học và Kế hoạch giám sát dịch bệnh; - Kế hoạch ứng phó dịch bệnh; - Bản sao các kết quả xét nghiệm bệnh động vật âm tính liên quan.
	18	Hỏi: Tôi muốn xin cấp Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, phẫu thuật động vật thì nộp hồ sơ ở đâu và cần bằng cấp gì?	Trả lời: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang. Bằng cấp cụ thể tùy theo phạm vi hành nghề: Tại điều 29 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 “Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y đối với hành nghề thú y cho động vật trên cạn hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y cho động vật thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật tối thiểu phải được tập huấn về kỹ thuật tiêm phòng”.
	19	Hỏi: Tôi muốn mở cửa hàng bán thuốc thú y thì tôi hoặc người quản lý chuyên môn phải có bằng cấp gì?	Trả lời: Muốn mở cửa hàng bán thuốc thú y tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y trở lên. Đối với cửa hàng kinh doanh thuốc thú y thủy sản, người phụ trách chuyên môn cần có bằng Trung cấp nuôi trồng thủy sản hoặc bệnh học thủy sản trở lên.
	20	Hỏi: Hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc thú y gồm những gì và nộp ở đâu?	Trả lời: - Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang. - Hồ sơ nộp gồm có:

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			+ Đơn đăng ký theo Mẫu số 01.HNTY Phụ lục IB ban hành theo Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. + Văn bằng chuyên môn hoặc Giấy xác nhận đã qua tập huấn chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y. Trường hợp văn bằng chuyên môn không thể hiện chuyên ngành phải bổ sung giấy tờ xác nhận chuyên ngành do cơ sở đào tạo cấp. + Giấy chứng nhận sức khỏe. Đối với người nước ngoài, ngoài những quy định tại điểm a, b và c khoản này còn phải có Giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.
	21	Hỏi: Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc thú y có thời hạn bao lâu? Có phải gia hạn không?	Trả lời: Chứng chỉ hành nghề thú y hiện nay có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp. Trước 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày hết hạn Chứng chỉ hành nghề thú y, cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang để tiếp tục hoạt động.
	22	Hỏi: Cửa hàng buôn bán thuốc thú y cần đáp ứng những điều kiện khắt khe nào về cơ sở vật chất?	Trả lời: Cửa hàng phải đáp ứng các điều kiện sau: - Có địa điểm cố định, tách biệt với nơi ở, khu sinh hoạt và nguồn ô nhiễm. - Có đủ diện tích, tủ, kệ để bố trí, sắp xếp thuốc rõ ràng, tránh ánh nắng trực tiếp. - Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. - Đối với cơ sở buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học phải có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm.
	23	Hỏi: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y diễn ra trong bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết là 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
	24	Hỏi: Thế nào là "Vùng an toàn dịch bệnh" và thẩm quyền đánh giá, cấp chứng nhận thuộc về ai?	Trả lời: Vùng ATDB là vùng (thường là cấp tỉnh và cấp xã) được xác định không xảy ra ca bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đăng ký trong một khoảng thời gian quy định; hệ thống thú y kiểm soát được nguồn bệnh. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận vùng ATDB cấp tỉnh thuộc về Cục Chăn nuôi và Thú y. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận vùng ATDB cấp xã thuộc thẩm quyền Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.
	25	Hỏi: Một vùng muốn được công nhận an toàn dịch bệnh thì cần đạt được những tiêu chí cốt lõi nào?	Trả lời: Cần đạt 4 tiêu chí lớn: - Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng bệnh bằng vắc-xin cho đàn vật nuôi trong vùng quy định tại Điều 14 và các khoản 1,2,3,4 và 5 Điều 15 của Luật Thú y. - Có hệ thống giám sát dịch bệnh chủ động, phát hiện và xử lý ổ dịch kịp thời. Có kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát dịch bệnh động vật theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật Thú y năm 2015. - Hệ thống quản lý thú y tại địa phương hoạt động hiệu quả đảm bảo kiểm soát được dịch bệnh động vật, kiểm soát chặt chẽ việc vận nuôi, giết mổ, vận chuyển. - Không xảy ra dịch bệnh đăng ký công nhận an toàn trong thời gian tối thiểu 12 tháng liên tục.
Lĩnh vực	26	Hỏi: Thức ăn chăn nuôi thương mại nhập khẩu lần đầu	Trả lời: Có. Trước khi lưu thông trên thị trường, tổ chức cá nhân phải làm thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
Chăn nuôi		vào Việt Nam có phải làm thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng không?	khẩu tại Cục Chăn nuôi hoặc cơ quan được ủy quyền.
	27	Hỏi: Điều kiện cốt lõi để một nhà máy được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi là gì?	Trả lời: Cơ sở phải có vị trí an toàn môi trường; nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm; có dây chuyền sản xuất tách biệt giữa thức ăn chứa kháng sinh và không chứa kháng sinh; có người có trình độ đại học chuyên ngành liên quan phụ trách kỹ thuật.
	28	Hỏi: Cơ sở chăn nuôi quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên) phải xin Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi ở cơ quan nào?	Trả lời: Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn thuộc về Sở Nông nghiệp và Môi trường (hoặc Chi cục được ủy quyền) nơi đặt cơ sở chăn nuôi.
	29	Hỏi: Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ có bắt buộc phải kê khai hoạt động chăn nuôi không và kê khai với ai?	Trả lời: Có bắt buộc. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, đặc khu) định kỳ theo quy định để quản lý tổng đàn và hỗ trợ thiệt hại khi có dịch bệnh.
	30	Hỏi: Trang trại chăn nuôi quy mô lớn và quy mô vừa phải đáp ứng điều kiện về khoảng cách an toàn như thế nào?	Trả lời: Khoảng cách an toàn sinh học được tính từ trang trại đến trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt: - Trang trại quy mô vừa: Tối thiểu là 300 mét. - Trang trại quy mô lớn: Tối thiểu là 500 mét. - Khoảng cách giữa 2 trang trại chăn nuôi của 2 chủ thể khác nhau: Tối thiểu là 50 mét.
	31	Hỏi: Khi nào trang trại chăn nuôi bắt buộc phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi? Cơ quan nào cấp?	Trả lời: Đối với các trang trại chăn nuôi quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên - tương đương khoảng 600 con heo nái, hoặc 1.500 con heo thịt, từ 60.000 con trở lên đối với gà thịt) bắt buộc phải xin giấy này. Thẩm quyền cấp thuộc về Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đăng ký thủ tục đầu tư. Trường hợp cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn nằm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi tổ chức, cá nhân đăng ký thủ tục đầu tư thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.
	32	Hỏi: Quy trình kiểm tra thực tế trang trại chăn nuôi để cấp Giấy chứng nhận diễn ra như thế nào?	Trả lời: Khi nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ lập đoàn kiểm tra thực tế tại trang trại để đánh giá: vị trí xây dựng; hệ thống xử lý chất thải (biogas, ao lắng); quy trình vệ sinh sát trùng; việc lưu trữ nhật ký chăn nuôi, thức ăn, thuốc thú y. Nếu biên bản kiểm tra đánh giá đạt "Đạt", giấy chứng nhận sẽ được cấp trong vòng 3 ngày làm việc sau đó.
	33	Hỏi: Cá nhân muốn đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi thì phải làm sao?	Trả lời: Để đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi, bạn cần điền thông tin đàn vật nuôi vào mẫu phiếu kê khai theo quy định và nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu hoặc thực hiện trực tuyến trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Chăn nuôi và Thú y. Quy trình và thủ tục thực hiện: - Chuẩn bị thông tin: Ghi lại loại vật nuôi, số lượng hiện tại, mục đích nuôi, thời gian bắt đầu và địa điểm chăn nuôi. - Hình thức nộp: Nộp bản giấy theo mẫu tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu (gặp cán bộ phụ trách nông nghiệp hoặc thú y xã, phường, đặc khu). Hoặc truy cập cổng thông tin điện tử của cơ sở dữ liệu quốc gia để kê khai trên máy tính bằng tài khoản được cấp. - Thời hạn kê khai: Kê khai định kỳ: 02 lần mỗi năm (đợt 1 từ ngày 25/6 đến 30/6; đợt 2 từ ngày 25/12 đến 31/12). Kê khai đột xuất: Trong thời hạn 03 ngày khi có nhập nuôi mới, thay đổi lớn hoặc theo yêu cầu từ cơ quan quản lý.
Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực	34	Hỏi: Để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, cơ sở của tôi cần đáp ứng cụ thể những điều kiện gì về trình độ chuyên môn của người bán,	Trả lời: Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau: a) Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
vật		địa điểm cửa hàng và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật?	trở lên về một trong các chuyên ngành về bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật; b) Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; c) Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật: Đối với cơ sở bán buôn, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm; Đối với cơ sở bán lẻ, khu vực chứa thuốc bảo vệ thực vật phải có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.
	35	Hỏi: Theo quy định hiện hành, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn như thế nào?	Trả lời: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật: Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành về bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật. (Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật hoặc Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 của Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015).
	36	Hỏi: Điều kiện để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật là gì?	Trả lời: Căn cứ khoản 1, Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau: a) Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất; b) Nhà xưởng, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm; c) Thiết bị sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy trình, công nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
	37	Hỏi: Điều kiện để được cấp mã số vùng trồng là gì?	Trả lời: Căn cứ Điều 6 Nghị định 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. Để được cấp mã số vùng trồng, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm vùng trồng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định, cụ thể như sau: 1. Có quy trình sản xuất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương hoặc địa phương. 2. Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến quy trình sản xuất, thu hoạch sản phẩm. 3. Đối với các vùng trồng phục vụ xuất khẩu ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại các mục 1, 2 nêu trên còn phải tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.
	38	Hỏi: Điều kiện để được cấp mã số cơ sở đóng gói là gì?	Trả lời: Để được cấp mã số cơ sở đóng gói, tổ chức, cá nhân phải có cơ sở đóng gói đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật bao gồm:

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			1. Có địa điểm cụ thể, diện tích phù hợp với quy mô hoạt động; nhà xưởng được bố trí theo nguyên tắc một chiều và phân khu chức năng riêng biệt; có nguồn điện, nước sạch, hệ thống thoát nước. 2. Có trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tiếp nhận, phân loại, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm; có quy trình đóng gói; có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại. 3. Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến nguồn gốc sản phẩm cây trồng, quá trình thực hiện đóng gói, xuất khẩu hoặc tiêu thụ sản phẩm; hồ sơ kiểm soát sinh vật gây hại, hồ sơ theo dõi vệ sinh cơ sở đóng gói, hồ sơ về nhân sự, tập huấn nội bộ, hồ sơ sử dụng hóa chất. 4. Đối với các cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại mục 1, 2, 3 nêu trên phải tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.
	39	Hỏi: Khi nào nhập khẩu phân bón phải có Giấy phép nhập khẩu?	Trả lời: Căn cứ quy định tại Điều 44 Luật Trồng trọt 2018. Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. 1. Tổ chức, cá nhân có phân bón đã được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam được nhập khẩu hoặc ủy quyền nhập khẩu phân bón trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam và không cần Giấy phép nhập khẩu phân bón. 2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón chưa được công nhận lưu hành tại Việt Nam phải có Giấy phép nhập khẩu phân bón trong trường hợp sau đây: a) Phân bón để khảo nghiệm; b) Phân bón dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí; c) Phân bón sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam; d) Phân bón làm quà tặng, làm hàng mẫu; đ) Phân bón tham gia hội chợ, triển lãm; e) Phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học; g) Phân bón làm nguyên liệu để sản xuất phân bón khác. 3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón.
	40	Hỏi: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón gồm các giấy tờ gì?	Trả lời: Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón gồm: a) Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 34 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; c) Văn bản của nhà sản xuất về chỉ tiêu chất lượng, hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn và yếu tố hạn chế trong phân bón; d) Giấy chứng nhận lưu hành tự do của nước xuất khẩu cấp (trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt); đ) Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam (trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt); e) Đề cương nghiên cứu về phân bón đề nghị nhập khẩu (trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt); Trường hợp hồ sơ là bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật.
	41	Hỏi: Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón hiện nay được thực hiện như thế nào?	Trả lời: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Trình

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón như sau: a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính; b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính; c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
	42	Hỏi: Hồ sơ cấp Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch gồm những gì?	Trả lời: Căn cứ quy định khoản 1 Điều 7 Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 4/9/2020 của Chính phủ quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 11/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định 33/2026/NĐ-CP ngày 21/1/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Thành phần hồ sơ chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch gồm: - Đơn đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP. - Mẫu Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm được kê khai đầy đủ thông tin từ mục 1 đến mục 9 theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang EU hoặc Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 11/2022/NĐ-CP đối với gạo thơm xuất khẩu sang UK; - Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2020/NĐ-CP; - Văn bản thỏa thuận chuyển giao Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận chủng loại gạo thơm không đứng tên trong Biên bản kiểm tra lô ruộng lúa thơm.
	43	Hỏi: Điều kiện để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón là gì?	Trả lời: Căn cứ quy định tại Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018. Căn cứ quy định tại Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bao gồm: - Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất: Khu sản xuất có tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng. - Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón: Dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón phải phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP. - Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt. - Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
	44	Hỏi: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón như thế nào?	Trả lời: Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/1/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính. Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính. Bước 3: Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất phân bón, việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 50 Luật Trồng trọt (có thể thành lập đoàn kiểm tra và biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 27 Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 5: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính đăng tải Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.
Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản	45	Hỏi: Việc nhà đầu tư đề nghị bổ sung cụm từ "khoáng sản đi kèm" vào mục tiêu và quy mô khai thác có phù hợp với Luật Địa chất và khoáng sản hay không?	Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản: "Đối với khoáng sản đi kèm đã được phê duyệt, công nhận trữ lượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 64 của Nghị định này trước khi khai thác". Do đó, việc nhà đầu tư đề nghị bổ sung cụm từ "khoáng sản đi kèm" vào mục tiêu và quy mô khai thác là phù hợp với quy định với Luật Địa chất và khoáng sản.
	46	Hỏi: Trường hợp chưa được ghi nhận "khoáng sản đi kèm" thì nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục gì trước khi được khai thác, thu hồi, sử dụng?	Trả lời: Qua đối chiếu với quy định tại khoản 2, Điều 70 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản quy định "Đối với khoáng sản đi kèm đã được phê duyệt, công nhận trữ lượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 64 (Tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản trong các trường hợp: Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm) của Nghị định này trước khi khai thác". Thì nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.
	47	Hỏi: Việc ghi nhận "khoáng sản đi kèm" trong mục tiêu, quy mô dự án đầu tư có làm thay đổi loại khoáng sản được phép khai thác, trữ lượng, công suất, phạm vi, cote khai thác, phương pháp khai thác, nghĩa vụ tài chính hoặc yêu cầu điều chỉnh giấy phép khai	Trả lời: Theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản, thì Công ty phải thực hiện thủ tục điều chỉnh (khoáng sản đi kèm) vào các Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 64 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, việc ghi nhận khoáng sản đi kèm vào trong mục tiêu, quy mô dự án đầu tư không làm thay đổi loại khoáng sản, trữ lượng, công suất, phạm vi, cote khai thác, phương pháp khai thác được phép khai thác.

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
		thác khoáng sản hay không?	
	48	Hỏi: Hãy cho biết các trường hợp được xem xét cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản?	Trả lời: Theo quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, các trường hợp được xem xét, cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản gồm: a) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 và điểm c khoản 1 Điều 70 của Luật này; b) Chủ đầu tư, nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư; c) Chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công hoạt động nạo vét trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư; d) Người sử dụng đất thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp được phép thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp; đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản được phép thu hồi khoáng sản.
	49	Hỏi: Hãy cho biết quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản?	Trả lời: Căn cứ theo quy định tại Điều 76 Luật Địa chất và khoáng sản, tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản có các quyền và nghĩa vụ: 1. Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản có quyền sau đây: a) Thu hồi khoáng sản theo giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu và các quyền sở hữu khác đối với khoáng sản đã thu hồi theo quy định của pháp luật; c) Quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản có nghĩa vụ sau đây: a) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 98 của Luật này; b) Thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; c) Báo cáo kết quả hoạt động thu hồi khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; d) Bồi thường thiệt hại do hoạt động thu hồi khoáng sản gây ra; đ) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
	50	Hỏi: Hãy cho biết khai thác khoáng sản là gì?	Trả lời: Theo quy định tại khoản 23 Điều 2 Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, "Khai thác khoáng sản" là hoạt động nhằm đưa khoáng sản ra khỏi nơi thành tạo tự nhiên, bao gồm: xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, bơm hút, lọc tách, phân loại và các hoạt động khác có liên quan theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản hoặc phương án khai thác khoáng sản. Sản phẩm của hoạt động khai thác khoáng sản là khoáng sản nguyên khai.
	51	Hỏi: Hãy cho biết tiền cấp	Trả lời: Theo quy định tại khoản 27 Điều 2 Luật Địa chất và khoáng sản:

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
		quyền khai thác khoáng sản là gì?	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là khoản tiền tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải trả cho Nhà nước để được thực hiện quyền khai thác, thu hồi khoáng sản.
	52	Hỏi: Về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo tiến độ thi công của công trình hay không?	Trả lời: Tại khoản 4 Điều 137 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định: "Việc thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Nghị định này.". Pháp luật về địa chất, khoáng sản hiện hành không có quy định về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo tiến độ thi công của công trình. Do đó, việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo tiến độ công trình là không có cơ sở.
	53	Hỏi: Hãy cho biết những hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản?	Trả lời: Theo quy định tại Điều 9 Luật Địa chất và khoáng sản, những hành vi bị nghiêm cấm gồm: 1. Lợi dụng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư. 2. Lợi dụng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản để khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản. 3. Thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cấp giấy phép hoặc chấp thuận bằng văn bản. 4. Cản trở trái pháp luật công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản. 5. Cố ý hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm. 6. Kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.
	54	Hỏi: Quy định và hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký thu hồi khoáng sản được thực hiện như thế nào?	Trả lời: Theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 1, Điều 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và điểm b2, khoản 37, Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản. Thành phần hồ sơ Đăng ký thu hồi khoáng sản ở khu vực dự án như sau: - Bản chính bản đăng ký thu hồi khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026); - Bản chính báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế do chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập đối với trường hợp chưa có thông tin, dữ liệu về khoáng sản (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ). - Bản sao hợp lệ báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt) triển khai tại khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản; - Văn bản giới thiệu nhà thầu thi công của chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án.
	55	Hỏi: Tổ chức được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có được điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản không? Và được thực hiện trong trường hợp nào?	Trả lời: Theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, các trường hợp được thực hiện điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản; b) Một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; c) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi. Do đó, tổ chức có thể đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			nếu thuộc các trường hợp như đã nêu trên.
	56	Hỏi: Trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản sắp hết hạn, phải thực hiện thủ tục xin gia hạn trước bao nhiêu ngày?	Trả lời: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, tổ chức, cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.
	57	Hỏi: Điều kiện để được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản là gì?	Trả lời: Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Khi thời hạn khai thác khoáng sản đã hết hoặc đã được gia hạn nhưng giấy phép đã hết hiệu lực mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng hoặc khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản sau ngày giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hiệu lực mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng; b) Đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản và không vi phạm các nghĩa vụ của pháp luật về khoáng sản đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước đó; c) Được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có); d) Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này tính đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đ) Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.
	58	Hỏi: Thẩm quyền cấp giấy xác nhận thu hồi khoáng sản?	Trả lời: Theo quy định tại Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP của Chính phủ, thẩm quyền cấp giấy xác nhận thu hồi khoáng sản được xác định như sau: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản và trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.
	59	Hỏi: Hãy cho biết đối tượng phải có thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ?	Trả lời: Các đối tượng phải có thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ gồm: 1. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản, bao gồm cả khai thác tận thu phải có thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ, trừ trường hợp các dự án đầu tư khai thác khoáng sản chỉ phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan. 2. Đối với dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản, các trường hợp sau đây phải có thiết kế mỏ: a) Bãi thải có chiều cao bãi thải từ 100 m trở lên; b) Bãi thải có chiều cao từ 50 m đến dưới 100 m và giáp ranh với khu vực có dân cư tập trung; khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, di sản thiên nhiên theo quy định

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			của pháp luật về bảo vệ môi trường; hành lang bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đê điều, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải; công trình năng lượng, dầu khí và các công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.
	60	Hỏi: Hiện nay quy định pháp luật về địa chất và khoáng sản có cho phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản?	Trả lời: Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trong các trường hợp sau: 1. Tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản với mục đích: Nghiên cứu khoa học, lập quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản hoặc mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 2. Cơ quan nhà nước có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phục vụ công tác quản lý nhà nước, xây dựng chính sách, lập quy hoạch, điều tra, kiểm tra, thanh tra. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải tuân thủ quy định về bảo mật và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, không làm lộ, lọt và sử dụng sai mục đích hoặc chuyển giao thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba nếu chưa được cơ quan quản lý cho phép.
Lĩnh vực Khai thác thủy sản	61	Hỏi: Tôi mua lại tàu cá của người khác trong tỉnh, tôi cần thực hiện thủ tục gì để bảo đảm đúng quy định?	Trả lời: Ông/Bà phải thực hiện thủ tục đăng ký sang tên tàu cá tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (bằng hình thức trực tuyến hoặc nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính). Hồ sơ gồm: 1. Tờ khai đăng ký tàu cá theo mẫu; 2. Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng tàu cá; 3. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bản gốc; 4. Chứng từ đã hoàn thành nghĩa vụ lệ phí trước bạ; 5. Ảnh màu kích thước 9 x 12 cm chụp toàn bộ hai bên mạn tàu.
	62	Hỏi: Tôi muốn mua tàu cá từ tỉnh khác về đăng ký tại tỉnh An Giang thì phải thực hiện những thủ tục gì?	Trả lời: Để đăng ký tàu cá mua từ tỉnh khác về tỉnh An Giang, Ông/Bà thực hiện theo trình tự sau: Bước 1: Đề nghị cấp Văn bản chấp thuận mua tàu cá ngoài tỉnh. Bước 2: Sau khi được chấp thuận, thực hiện ký hợp đồng mua bán; chủ tàu bán làm thủ tục xóa đăng ký và rút hồ sơ gốc tại địa phương nơi tàu đã đăng ký. Bước 3: Thực hiện kê khai và nộp lệ phí trước bạ theo quy định. Bước 4: Nộp hồ sơ đăng ký tàu cá tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm: 1. Tờ khai đăng ký tàu cá; 2. Văn bản chấp thuận mua tàu cá ngoài tỉnh; 3. Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá và hồ sơ gốc; 4. Hợp đồng mua bán tàu cá; 5. Chứng từ nộp lệ phí trước bạ; 6. Ảnh màu kích thước 9 x 12 cm chụp toàn bộ hai bên mạn tàu. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Ông/Bà tiếp tục thực hiện thủ tục đăng kiểm, cấp Giấy phép khai thác thủy sản và lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) (đối với tàu thuộc diện bắt buộc) trước khi đưa tàu vào hoạt động.
	63	Hỏi: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá của tôi bị rách, hư hỏng hoặc mờ thông tin thì phải làm thế nào?	Trả lời: Ông/Bà nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ gồm: 1. Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu; 2. Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị hư hỏng (nếu còn). Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo quy định.

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
	64	Hỏi: Tàu cá của tôi bị chìm, không còn khả năng trục vớt thì có phải làm thủ tục xóa đăng ký không?	Trả lời: Có. Khi tàu cá bị mất, chìm đắm, hư hỏng không còn khả năng sử dụng hoặc thuộc trường hợp phải xóa đăng ký theo quy định, Ông/Bà phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký tàu cá. Hồ sơ gồm: 1. Đơn đề nghị xóa đăng ký tàu cá; 2. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (nếu còn); 3. Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc tàu bị chìm, mất hoặc không còn khả năng sử dụng.
	65	Hỏi: Giấy phép khai thác thủy sản của tàu tôi sắp hết hạn, tôi phải làm gì để tiếp tục được khai thác hợp pháp?	Trả lời: Trước khi Giấy phép khai thác thủy sản hết hạn, Ông/Bà cần nộp hồ sơ đề nghị cấp lại tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo mẫu. - Nên thực hiện thủ tục trước khi giấy phép hết hạn để bảo đảm hoạt động khai thác thủy sản không bị gián đoạn.
	66	Hỏi: Tôi muốn thay máy chính của tàu cá bằng máy có công suất lớn hơn thì có phải xin phép trước không?	Trả lời: Có. Trước khi thực hiện cải hoán, thay đổi máy chính, thay đổi kết cấu hoặc đóng mới tàu cá, Ông/Bà phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Văn bản chấp thuận theo quy định. Chỉ được thực hiện việc cải hoán sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.
	67	Hỏi: Tôi vừa mua tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên để khai thác thủy sản, tôi cần thực hiện những thủ tục gì trước khi đưa tàu vào hoạt động?	Trả lời: Trước khi đưa tàu cá vào hoạt động khai thác thủy sản, Ông/Bà phải bảo đảm đầy đủ các giấy tờ và điều kiện theo quy định, gồm: 1. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đã hoàn thành thủ tục đăng ký sang tên, đổi chủ. 2. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (đăng kiểm) còn hiệu lực. 3. Giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực. 4. Thiết bị giám sát hành trình (VMS) đã được lắp đặt, duy trì hoạt động liên tục đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên. 5. Sổ danh bạ thuyền viên (Sổ thuyền viên) được lập đầy đủ theo quy định và cập nhật kịp thời khi có thay đổi. 6. Nhật ký khai thác thủy sản để ghi chép đầy đủ thông tin về chuyến biển, ngư trường, sản lượng và đối tượng khai thác. 7. Bảo hiểm tai nạn thuyền viên theo quy định của pháp luật. Khi hoạt động trên biển, chủ tàu và thuyền trưởng phải mang theo đầy đủ các giấy tờ nêu trên (bản chính hoặc bản có giá trị pháp lý theo quy định) để xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm soát. Không nên sử dụng bản sao công chứng để thay thế bản chính nếu pháp luật không quy định được phép sử dụng. 8. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm
Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản	68	Hỏi: Tôi có nhiều vùng nuôi tại các xã khác nhau. Khi thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản, tôi phải nộp hồ sơ ở đâu và hồ sơ gồm những giấy tờ gì?	Trả lời: Theo quy định tại Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ, trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có nhiều vùng nuôi thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên thì Ông/Bà thực hiện thủ tục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bằng một trong các hình thức: nộp trực tiếp, nộp trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Hồ sơ đề nghị cấp mới gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 25.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; 2. Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi hoặc lồng bè nuôi có xác nhận của chủ cơ sở. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: 1. Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 26.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; 2. Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi hoặc lồng bè nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); 3. Giấy tờ chứng minh việc thay đổi chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi chủ cơ sở).

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
	69	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản là bao lâu? Tôi có thể nộp hồ sơ bằng những hình thức nào?	Trả lời: 1. Thời gian giải quyết: - Cấp mới: 09 ngày làm việc. - Cấp lại: 02 ngày làm việc. 2. Phương thức nộp hồ sơ: Ông/Bà có thể lựa chọn một trong các hình thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công; - Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
	70	Hỏi: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản để nghiên cứu khoa học hoặc trưng bày tại hội chợ, triển lãm gồm những giấy tờ gì?	Trả lời: Theo Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản theo Mẫu số 01, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư; 2. Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả loài thủy sản đăng ký nhập khẩu, kèm theo tên tiếng Việt, tên khoa học và tên tiếng Anh (nếu có); 3. Đề cương nghiên cứu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học); 4. Tài liệu chứng minh việc tham gia hội chợ, triển lãm và phương án xử lý loài thủy sản sau khi kết thúc hội chợ, triển lãm (đối với trường hợp nhập khẩu để trưng bày).
	71	Hỏi: Để được công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản, tôi phải chuẩn bị hồ sơ và thực hiện như thế nào?	Trả lời: Theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ, hồ sơ đăng ký khảo nghiệm gồm: 1. Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 05.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định; 2. Đề cương khảo nghiệm theo Mẫu số 06.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định. 3. Trình tự thực hiện: - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính. - Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương khảo nghiệm. - Trường hợp giống thủy sản nhập khẩu để khảo nghiệm, cơ quan có thẩm quyền đồng thời cấp Giấy phép nhập khẩu (nếu đủ điều kiện) và gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Trường hợp hồ sơ hoặc điều kiện không đáp ứng yêu cầu, cơ quan giải quyết sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 4. Nội dung khảo nghiệm được xây dựng phù hợp với từng loài thủy sản nhằm đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và mức độ xâm hại của giống khảo nghiệm.
	72	Hỏi: Tôi có cơ sở sản xuất bột cá dùng làm nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khi có nhu cầu cấp hoặc cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thì phải nộp hồ sơ ở đâu và hồ sơ gồm những giấy tờ gì?	Trả lời: Theo Điều 14 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Ông/Bà nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bằng một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Hồ sơ đề nghị cấp mới gồm: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 10.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; 2. Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 11.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: 1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 10.NT, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; 2. Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận.

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét và cấp hoặc cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định.
	73	Hỏi: Tôi thay đổi chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản thì có phải làm thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản không?	Trả lời: Có. Khi thay đổi chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản, Ông/Bà phải thực hiện thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản. Hồ sơ gồm: 1. Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 26.NT ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; 2. Giấy tờ chứng minh việc thay đổi chủ cơ sở theo quy định. 3. Hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
	74	Hỏi: Tôi mở rộng diện tích ao nuôi hoặc tăng số lượng lồng bè thì có phải thực hiện thủ tục gì không?	Trả lời: Có. Khi có sự thay đổi về quy mô sản xuất, diện tích ao nuôi hoặc số lượng lồng bè so với nội dung đã được xác nhận trước đó, Ông/Bà phải thực hiện thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản. Hồ sơ phải có sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi hoặc lồng bè sau khi thay đổi theo quy định.
	75	Hỏi: Cơ sở của tôi chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định thì có được cấp Giấy chứng nhận không?	Trả lời: Không. Cơ sở chỉ được cấp Giấy chứng nhận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp qua thẩm định cơ sở chưa đáp ứng điều kiện, cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo để Ông/Bà hoàn thiện theo quy định trước khi xem xét cấp Giấy chứng nhận.
	76	Hỏi: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận, nếu cơ sở thay đổi tên hoặc địa điểm sản xuất thì phải làm gì?	Trả lời: Khi có sự thay đổi thông tin đã ghi trên Giấy chứng nhận như tên cơ sở, địa chỉ hoặc các thông tin khác theo quy định, Ông/Bà phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ phải kèm theo tài liệu chứng minh nội dung thay đổi để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.
Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	77	Hỏi: Nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ở đâu và cách thức nộp hồ sơ?	Trả lời: - Nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh/xã. - Cách thức nộp hồ sơ: + Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; + Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; + Qua thư điện tử.
	78	Hỏi: Ai có quyền yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất?	Trả lời: Người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm hoặc chủ thể khác theo từng trường hợp được quy định tại Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Người yêu cầu đăng ký có thể tự mình thực hiện hoặc thông qua người đại diện hợp pháp.
	79	Hỏi: Khi nào phải làm thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm và thay đổi nội dung thế chấp có cần đăng ký lại không?	Trả lời: - Thực hiện thủ tục xóa đăng ký: Căn cứ Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định về việc xóa đăng ký. Do đó, khi nghĩa vụ được bảo đảm đã chấm dứt hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm. - Thay đổi nội dung thế chấp cần đăng ký lại theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.
	80	Hỏi: Thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là bao lâu và khi nào hồ sơ bị từ chối đăng ký?	Trả lời: - Thời gian giải quyết hồ sơ trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP). - Về việc từ chối đăng ký: Căn cứ khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			bảo đảm thì từ chối đăng ký nếu các một trong các trường hợp sau đây: + Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan đăng ký. + Hồ sơ đăng ký không hợp lệ. + Tài sản không đủ điều kiện dùng để bảo đảm theo quy định của pháp luật. + Thông tin kê khai trong hồ sơ không phù hợp với thông tin được lưu giữ tại cơ quan đăng ký. + Các quy định khác thuộc các trường hợp từ chối đăng ký theo Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.
Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	81	Hỏi: Trường hợp nào thực hiện trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính?	Trả lời: Các trường hợp thực hiện trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính. Trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính: áp dụng đối với khu vực đã có bản đồ địa chính khi có sự thay đổi một trong các yếu tố về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất và các yếu tố khác có liên quan đến nội dung bản đồ địa chính. Việc trích đo chỉnh lý được áp dụng trong một số trường hợp như: thực hiện dự án đầu tư; tách thửa, hợp thửa, chuyển mục đích sử dụng đất; đo đạc phục vụ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
	82	Hỏi: Khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai do chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ ở đâu và cần lưu ý những gì?	Trả lời: Đối với hộ gia đình, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, người sử dụng đất nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo quy định. Sau khi tiếp nhận, hồ sơ được chuyển đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên phường, xã, đặc khu để giải quyết theo thẩm quyền. Người dân có thể lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, thông qua dịch vụ bưu chính. Khi nộp hồ sơ, người dân cần chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo từng trường hợp chuyển nhượng, tặng cho hoặc thừa kế để tránh phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, làm kéo dài thời gian giải quyết.
	83	Hỏi: Khi thực hiện đăng ký biến động đất đai do chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, người dân có phải thực hiện nghĩa vụ tài chính không?	Trả lời: Tùy từng trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, người sử dụng đất có thể phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật như lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân... Trong quá trình giải quyết hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện chuyển thông tin cần thiết đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện. Người sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế. Thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo quy định.
	84	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai do chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất được tính như thế nào?	Trả lời: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai được tính 08 ngày làm việc, ban hành thông báo thuế 03 ngày làm việc và được tính kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ bảo đảm theo quy định. Người dân cần lưu ý thời gian giải quyết thủ tục không bao gồm thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.
	85	Hỏi: Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất, người dân phải thực hiện như thế nào?	Trả lời: Khi bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định. Hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và được chuyển đến Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện theo trình tự quy định. Trong quá trình giải quyết, cơ quan có thẩm quyền sẽ kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp trong hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; niêm yết việc mất giấy chứng nhận tại trụ sở UBND cấp xã hoặc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đồng thời thực hiện các bước cần thiết để bảo đảm Giấy chứng nhận bị mất không còn giá trị sử dụng trước khi cấp lại Giấy chứng nhận mới.
	86	Hỏi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc không còn phù	Trả lời: Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc thuộc trường hợp phải cấp đổi theo quy định thì người sử dụng đất thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận. Hồ sơ được tiếp nhận theo

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
		hợp thì người dân cần thực hiện thủ tục gì?	quy định và chuyển đến Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết.
	87	Hỏi: Khi người sử dụng đất thay đổi căn cước công dân, số định danh cá nhân hoặc thông tin nhân thân thì có phải thực hiện đăng ký biến động không?	Trả lời: Trường hợp thông tin của người sử dụng đất có thay đổi thuộc trường hợp phải đăng ký biến động theo quy định người sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký biến động để cập nhật, chỉnh lý thông tin trên hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và Giấy chứng nhận.
	88	Hỏi: Giấy chứng nhận bị sai tên, số CMND/CCCD hoặc sai diện tích thì sửa ở đâu?	Trả lời: Nộp hồ sơ đính chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Cơ quan chức năng sẽ kiểm tra lại sổ gốc, hồ sơ địa chính để làm thủ tục đính chính miễn phí.
	89	Hỏi: Sổ đỏ cũ (mẫu phôi đỏ cũ) có bắt buộc phải đổi sang mẫu Sổ hồng mới không?	Trả lời: Không bắt buộc. Các loại Giấy chứng nhận cấp qua các thời kỳ vẫn có giá trị pháp lý. Người dân chỉ phải đổi khi sổ bị ố nhòe, rách, hết trang ghi biến động, hoặc khi có nhu cầu tự nguyện.
	90	Hỏi: Người dân đã chuyển nhượng, tặng cho hoặc nhận thừa kế quyền sử dụng đất nhưng chưa đăng ký biến động thì phải thực hiện như thế nào?	Trả lời: Người nhận quyền sử dụng đất trong các trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế phải thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định. Sau 30 ngày biến động người sử dụng đất chậm đăng ký biến động thì bị xử phạt hành chính theo quy định.
	91	Hỏi: Nếu hồ sơ đăng ký đất đai chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì người dân phải làm gì?	Trả lời: Khi tiếp nhận hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, người nộp hồ sơ sẽ được trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để thực hiện bổ sung theo quy định. Nếu trong quá trình giải quyết phát hiện hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo về Trung tâm Phục vụ hành chính công trong thời hạn tối đa 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ; Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh trong thời gian không quá 15 ngày.
	92	Hỏi: Người dân có thể nộp hồ sơ và theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trực tuyến không?	Trả lời: Có. Theo quy định, người yêu cầu đăng ký có thể lựa chọn nhiều hình thức nộp hồ sơ, gồm: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Nộp thông qua dịch vụ bưu chính; - Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với thủ tục thuộc thẩm quyền; - Nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính. - Đối với hồ sơ nộp trực tuyến, giấy tờ phải được số hóa theo quy định. Riêng trường hợp thủ tục đăng ký biến động yêu cầu xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người yêu cầu đăng ký vẫn phải nộp bản gốc Giấy chứng nhận. - Việc đa dạng hóa hình thức nộp hồ sơ góp phần tạo thuận lợi cho người dân, giảm thời gian đi lại và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn.
Lĩnh vực Thủy lợi	93	Hỏi: Thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường gồm những thủ tục nào?	Trả lời: Thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường là các thủ tục được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật và được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Tùy theo từng thời kỳ và quy định hiện hành, các thủ tục hành chính có thể bao gồm cấp giấy phép đối với hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, chấp thuận các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi và các thủ tục khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước về thủy lợi. Tổ chức, cá nhân nên tra cứu danh mục thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Tại địa chỉ:

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			https://dichvucong.gov.vn
	94	Hỏi: Tôi có thể nộp hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi bằng những hình thức nào?	Trả lời: Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn một trong các hình thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục đã được cung cấp trực tuyến. Tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và thuận tiện trong việc theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ.
	95	Hỏi: Hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi được tiếp nhận tại đâu?	Trả lời: Đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang, hồ sơ được tiếp nhận thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với hồ sơ nộp trực tuyến. Tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn Sau khi tiếp nhận, hồ sơ được chuyển đến cơ quan chuyên môn để thẩm định, giải quyết theo đúng trình tự và thời hạn quy định. Tổ chức, cá nhân không nộp trực tiếp tại Chi cục Thủy lợi, trừ trường hợp có hướng dẫn khác của cơ quan có thẩm quyền.
	96	Hỏi: Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi là bao lâu?	Trả lời: Thời hạn giải quyết được thực hiện theo từng thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính sẽ tổ chức thẩm định và giải quyết trong thời hạn quy định. Trường hợp cần bổ sung hồ sơ hoặc phát sinh các nội dung phải xác minh thì việc xử lý được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thời hạn giải quyết của từng thủ tục trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh hoặc Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
	97	Hỏi: Tổ chức, cá nhân có phải nộp phí hoặc lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi không?	Trả lời: Việc thu phí, lệ phí (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Đối với từng thủ tục hành chính, mức thu hoặc việc miễn thu được công khai trong quyết định công bố thủ tục hành chính và trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Trước khi nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân nên tra cứu hoặc liên hệ cơ quan tiếp nhận để biết cụ thể về nghĩa vụ tài chính đối với thủ tục dự kiến thực hiện.
	98	Hỏi: Cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi?	Trả lời: Thẩm quyền cấp phép được thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương, cơ quan có thẩm quyền cấp phép là cơ quan được UBND cấp tỉnh giao thực hiện. Tại tỉnh An Giang, việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quyết định công bố thủ tục hành chính và phân cấp của UBND tỉnh. Tổ chức, cá nhân nên liên hệ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn cụ thể đối với từng trường hợp.
	99	Hỏi: Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có thời hạn bao lâu?	Trả lời: Thời hạn của giấy phép được xác định căn cứ vào nội dung hoạt động được cấp phép, quy mô công trình và đề nghị của tổ chức, cá nhân, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Khi giấy phép hết thời hạn mà tổ chức, cá nhân vẫn có nhu cầu tiếp tục thực hiện hoạt động thì phải thực hiện các thủ tục theo quy định trước khi tiếp tục triển khai.
	100	Hỏi: Muốn được hướng dẫn về thủ tục hành chính hoặc	Trả lời: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu quy định pháp luật hoặc được

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
		quy định pháp luật trong lĩnh vực thủy lợi thì liên hệ cơ quan nào?	hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi có thể liên hệ: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang để được hướng dẫn về trình tự, thành phần hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính. - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang hoặc Chi cục Thủy lợi để được hướng dẫn, giải đáp các quy định chuyên ngành thuộc lĩnh vực thủy lợi. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh An Giang hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường để cập nhật các quy định mới nhất.
Lĩnh vực Đê điều	101	Hỏi: Lĩnh vực đê điều hiện có những thủ tục hành chính nào thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường?	Trả lời: Các thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường được công bố theo quyết định của UBND tỉnh và được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu danh mục thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hoặc liên hệ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được hướng dẫn.
	102	Hỏi: Tôi có thể nộp hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều bằng những hình thức nào?	Trả lời: Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn một trong các hình thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (đối với thủ tục đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến). Tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích. Việc nộp hồ sơ trực tuyến được khuyến khích nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí và thuận tiện trong việc theo dõi kết quả giải quyết.
	103	Hỏi: Hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều được tiếp nhận ở đâu?	Trả lời: Hồ sơ được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với hồ sơ nộp trực tuyến. Tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn Sau khi tiếp nhận, hồ sơ sẽ được chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định và giải quyết theo quy định.
	104	Hỏi: Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều là bao lâu?	Trả lời: Thời hạn giải quyết được thực hiện theo từng thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Thời gian giải quyết được tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần bổ sung hồ sơ hoặc phải xác minh thì việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật.
	105	Hỏi: Có phải nộp phí hoặc lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều không?	Trả lời: Mức thu phí, lệ phí (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí và được công khai trong quyết định công bố thủ tục hành chính. Trước khi nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân nên tra cứu thông tin hoặc liên hệ cơ quan tiếp nhận để được hướng dẫn cụ thể.
	106	Hỏi: Muốn được hướng dẫn hoặc giải đáp về thủ tục hành chính lĩnh vực đê điều thì liên hệ cơ quan nào?	Trả lời: Tổ chức, cá nhân có thể liên hệ: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang để được hướng dẫn về trình tự, thành phần hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả. - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang hoặc Chi cục Thủy lợi để được hướng dẫn, giải đáp các quy định chuyên ngành về đê điều. Ngoài ra, người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn
Lĩnh vực Kiểm lâm	107	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục xác nhận bảng kê lâm sản là bao lâu?	Trả lời: - Trường hợp không phải xác minh: Tổng thời gian giải quyết 01 ngày làm việc (08 giờ). - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: Tổng thời gian giải quyết 1,5 ngày làm việc (12 giờ).

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			- Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: Tổng thời gian giải quyết 02 ngày làm việc (16 giờ).
	108	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES là bao lâu?	Trả lời: - Trường hợp 1: Tổng thời gian giải quyết 1,5 ngày làm việc (12 giờ). - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: Tổng thời gian giải quyết 7,5 ngày làm việc (60 giờ). - Trường hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: Tổng thời gian giải quyết 05 ngày làm việc (40 giờ). + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: Tổng thời gian giải quyết 7,5 ngày làm việc (60 giờ). - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: Tổng thời gian giải quyết 08 ngày làm việc (64 giờ) (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES).
	109	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 14 ngày làm việc (112 giờ).
	110	Hỏi: Cần chuẩn bị hồ sơ gì và nộp tại đâu để thực hiện thủ tục xác nhận Bảng kê lâm sản?	Trả lời: Cần chuẩn bị Bản đề nghị và Bảng kê lâm sản, sổ theo dõi gây nuôi, mã số kèm theo đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh để nộp hồ sơ. Mẫu đề nghị và bảng kê lâm sản có sẵn tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Đến đó, sẽ được các chuyên viên hướng dẫn cụ thể.
	111	Hình thức nhận bảng kê lâm sản cách nào?	Trả lời: Đến cơ quan Kiểm lâm sở tại lấy trực tiếp hoặc nhận qua đường bưu điện.
Lĩnh vực Lâm nghiệp	112	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng là bao lâu?	Trả lời: - Tổng thời gian giải quyết 10 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành; khu vực quốc phòng. - Tổng thời gian giải quyết 6 ngày làm việc (48 giờ) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của Bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng.
	113	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 57,5 ngày (460 giờ).
	114	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 7,5 ngày (60 giờ).
	115	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 27,5 ngày (220 giờ).
	116	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có	Trả lời: - Tổng thời gian giải quyết 3,5 ngày làm việc (28 giờ) đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác. - Tổng thời gian giải quyết 5 ngày làm việc (40 giờ) đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
		thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng là bao lâu?	
	117	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 20 ngày làm việc.
	118	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 07 ngày (56 giờ).
Lĩnh vực Đất đai	119	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất là bao lâu?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết 15 ngày làm việc (120 giờ).
	120	Hỏi: Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục chuyển hình thức trả tiền thuê đất hàng năm sang trả tiền thuê đất một lần bao gồm những gì?	Trả lời: Thành phần gồm: a) Đơn theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh. b) Một trong các giấy tờ sau đây: b1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; b2) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật số 31/2024/QH15; b3) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp Luật số 31/2024/QH15 qua các thời kỳ.
	121	Hỏi: Thẩm quyền giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai số 31/2024/QH15?	Trả lời: Thẩm quyền giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 là Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh về phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang
	122	Hỏi: Tổ chức xin giao đất, thuê đất đối với tổ chức để thực hiện dự án mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì nộp hồ sơ ở đâu? Thẩm quyền cấp tỉnh thực hiện hay cấp xã?	Trả lời: - Đối với trường hợp xin giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức thực hiện dự án mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã nơi có đất hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn - Thẩm quyền thực hiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh về phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.
	123	Hỏi: Đối với dự án sử dụng có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và thuê đất trả tiền hàng năm thì thẩm quyền giao đất và cho thuê đất là UBND cấp tỉnh hay cấp xã?	Trả lời: Đối với dự án sử dụng có nhiều hình thức sử dụng đất mà trong đó có diện tích thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và thuê đất trả tiền hàng năm thì thẩm quyền giao đất và cho thuê đất là UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính Phủ và Điều 4 Quyết định 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh.
	124	Hỏi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền	Trả lời: Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
		với đất đối với tổ chức được UBND tỉnh quyết định giao, đất cho thuê đất là cơ quan nào?	49/2026/NĐ-CP của Chính Phủ.
	125	Hỏi: Thành phần hồ sơ thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất gồm những gì?	Trả lời: - Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật số 31/2024/QH15; - Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).
	126	Hỏi: Thời gian thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển ở các xã đảo là bao nhiêu ngày làm việc?	Trả lời: Tổng thời gian giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển là 25 ngày làm việc (200 giờ).
	127	Hỏi: Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học tại điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật nào?	Trả lời: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được quy định chi tiết tại Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	128	Hỏi: Quy định số lượng, thành phần hồ sơ, biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học?	Trả lời: Tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục chuẩn bị 01 bộ hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mẫu số 23 của Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT). - Dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mẫu số 24 của Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT).
	129	Hỏi: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học?	Trả lời: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mã TTHC: 1.008682). Tổng thời gian thực hiện 13,5 ngày làm việc (108 giờ).
	130	Hỏi: Trường hợp nào phải có Giấy phép môi trường?	Trả lời: + Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường: 1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III và thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Có phát sinh nước thải hoặc bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức theo quy định của Chính phủ; b) Có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; 2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này; 3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không phải có giấy phép môi trường khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Dự án đầu tư không phải có giấy phép môi trường theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội. + Khoản 1 mục VII Phần A Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường bao gồm: a) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc một trong các loại hình sau đây khi đi vào vận hành có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý từ 100 m3/ngày trở lên hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m3/giờ trở lên, bao gồm: - Làm giàu, chế biến khoáng sản độc hại, khoáng sản kim loại; chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất độc;

Lĩnh vực	STT	Câu hỏi	Câu trả lời
			- Sản xuất kim loại có sử dụng nguyên liệu từ quặng; - Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy có công đoạn sản xuất bột giấy; - Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết); - Nhiệt điện than; - Sản xuất xi măng có công đoạn sản xuất clinker; - Sản xuất vải, sợi, dệt may có công đoạn nhuộm; sản xuất da cod công đoạn thuộc da; chế biến mủ cao su; sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt; chế biến thủy sản; sản xuất đường từ mía; - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; - Thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; b) Dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ tái chế, xử lý chất thải nguy hại; có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; c) Dự án đầu tư, cơ sở khác không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản này khi đi vào vận hành có tổng lưu lượng nước thải công nghiệp (không bao gồm nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản) xả ra môi trường phải được xử lý từ 150 m3/ngày trở lên hoặc tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m3/giờ trở lên. Mức phát sinh nước thải, khí thải quy định tại khoản này được xác định theo dự án tổng thể, không áp dụng đối với từng phân kỳ đầu tư của dự án. Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại khoản này có phát sinh đồng thời nước thải và khí thải xả ra môi trường, giấy phép môi trường phải bao gồm đầy đủ nội dung cấp phép đối với hoạt động xả nước thải và xả khí thải.
Lĩnh vực Môi trường	131	Hỏi: Thời hạn của Giấy phép môi trường là bao lâu?	Trả lời: Thời hạn giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: a) 07 năm đối với dự án đầu tư nhóm I; b) 07 năm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I; c) 10 năm đối với đối tượng không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này; d) Thời hạn của giấy phép môi trường có thể ngắn hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (sau đây gọi chung là chủ dự án đầu tư, cơ sở).